TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày: 15-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Chum.

Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cương;

2. Bà Lê Thị Mỹ;

3. Bà Thạch Thị Hai.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1992, tại tỉnh N; hộ khẩu thường trú: Xóm 1, thôn D, xã L, huyện M, tỉnh N; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S, sinh năm 1956 và bà Tạ Thị D, sinh năm 1957; có vợ là Trần Thị Thu H, sinh năm 1994 và có 02 người con (sinh năm 2013 và năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 508/2019/HSST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị bắt, tạm giam từ ngày 09/11/2018 đến nay, có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Phạm Tiến Thiên Th và bà Lê Thị L là Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Thiên Th thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, vắng mặt và có gửi bài bào chữa.

Bị hại: Công ty Liên doanh TNHH IN - Việt Nam; địa chỉ: Lô J, đường số 06, Khu Công nghiệp S, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông CHENG YING S, chức vụ: Tổng Giám đốc; nơi cư trú: Số A, lầu 1, hẻm 03, đường Ki, khu B, thành phố T, Đài

Loan; địa chỉ liên lạc: Lô J, đường số 06, Khu Công nghiệp S, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1985 - Hiện đang chấp hành án tại Trại giam An Phước thuộc Bộ Công an, vắng mặt.

- Thái Huỳnh B, sinh năm 1996 - Hiện đang chấp hành án tại Trại giam An Phước thuộc Bộ Công an, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/5/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương nhận được tin báo của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã D và Công ty Liên doanh TNHH IN - Việt Nam (gọi tắt là Công ty IN) về việc Công ty IN có địa chỉ tại Lô J, đường số 06, Khu Công nghiệp S, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương có xảy ra mất trộm tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương đã thành lập hội đồng khám nghiệm hiện trường, thu thập dấu vết để điều tra làm rõ. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định các dấu vết như sau: Tại phòng họp của công ty phát hiện cửa sổ có khung chắn bằng inox có dấu vết cắt tạo thành một lỗ hỏng có kích thước 0,5m x 0,6m, các thanh inox bị cắt, gập vào nhau, vết cắt sắc, gọn, trên thành cửa sổ có nhiều vết cát, đất bám dính. Phía ngoài cửa sổ có dấu vết chân in trên đất của bồn cây, không rõ hình. Cách phòng họp 08m về hướng Đông Nam là phòng tài vụ, trên khung cửa bên trái hướng từ ngoài vào có nhiều dấu vết bị cạy phá, bên trong phòng phát hiện có hai tủ đựng hồ sơ, các ngăn tủ của ba bàn làm việc bị lục soát, một két sắt nhãn hiệu GUNN GARD bị cạy bung cửa.

Sau khi Công ty IN kiểm tra đã trình báo tài sản bị mất trộm gồm: 20.000 (hai mươi nghìn) USD và 1.951.000.000 đồng (một tỷ chín trăm năm mươi mốt triệu đồng).

Ngày 02/6/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương quyết định khởi tố vụ án hình sự "Trộm cắp tài sản" để điều tra truy tìm người thực hiện tội phạm.

Đến khoảng 21 giờ ngày 18/12/2016, tổ tuần tra đặc biệt của Công an thị xã D đang thực hiện công tác tuần tra phòng chống tội phạm trên địa bàn khu phố Bình Đường B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương thì phát hiện Thái Huỳnh B có biểu hiện nghi vấn nên kiểm tra thì B không xuất trình được giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng minh nhân dân nên mời về trụ sở Công an thị xã D làm việc. Tại đây, B tự khai nhận hành vi cùng Nguyễn Hoàng E và Trần Văn T thực hiện vụ trộm cắp tài sản tại Công ty IN vào ngày 31/5/2016. Đến ngày 19/12/2016, E đến Công an thị xã D khai báo hành vi cùng với B, T trộm cắp tài sản tại Công ty IN. Cụ thể như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 31/5/2016, Trần Văn T điều khiển xe Exciter màu xanh (không rõ biển số) của T chở E, B đi tìm tài sản để chiếm đoạt rồi chia nhau tiêu xài, T chuẩn bị sẵn bao tay, kềm cộng lực, mỏ lết. Khi đi đến đường số 06 Khu Công nghiệp S, T nhìn thấy bảo vệ gác cổng trước của Công ty IN đang ngủ nên dừng xe nói B ở ngoài cảnh giới để T, E trèo rào vào trong tìm tài sản lấy trộm thì tất cả đồng ý. T chở B, E qua bên phía cổng chính của công ty và dừng xe ở lề đường sát hàng rào để T và E trèo hàng rào vào bên trong, T dặn B khi nào lấy được tài sản ra ngoài sẽ gọi điện thoại cho B đến đón T và E.

Khi trèo tường rào vào bên trong công ty, T và E đều mang bao tay, T mang theo kiềm cộng lực và nhặt một cây xà beng bên trong công ty. E và T đi dọc theo tường đến khu văn phòng và dùng kiềm cộng lực cắt song cửa sổ phía sau bên khu văn phòng rồi trèo qua cửa sổ vào bên trong khu văn phòng, đi qua một phòng họp có bàn lớn đến dãy phòng làm việc, chỉ có 01 phòng trong dãy phòng này có khóa cửa nên T đưa cây xà beng cho E để cạy cửa vào bên trong, thấy ở góc tường bên trái từ ngoài nhìn vào có một két sắt, T nói E đứng ngoài hành lang canh chừng, T đi vào bên trong tìm tài sản. Khoảng 05 phút sau, T gọi E vào giúp T hạ két sắt nằm ngửa xuống nền nhà, E lấy hai tấm nệm trên ghế salon lót xuống nền nhà rồi cùng T hạ két sắt xuống để không phát ra tiếng động lớn. Sau đó, E tiếp tục đi ra ngoài hành lang đứng canh chừng bảo vệ còn T dùng xà beng, kiềm cộng lực phá két sắt. Khoảng 30 phút sau, T phá được két sắt, T cùng E lấy tiền cho vào túi nilon và cùng nhau mang xà beng, kiềm cộng lực trèo ra ngoài. Khi ra được bên ngoài công ty, T gọi điện thoại cho B đến đón, T đưa túi tiền cho B giữ và điều khiển xe chở B ngồi giữa, E ngồi sau rồi cùng tẩu thoát về nhà trọ của T tại khu phố C, phường H, thị xã D, tỉnh Bình Dương. T chia cho E, B mỗi người 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng, T giữ lại 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Số tiền trộm được cả T, B, E đã tiêu xài hết trước khi bị bắt.

Căn cứ khai báo của Công ty IN: Tài sản xâm hại trong vụ án là: 20.000USD trị giá 438.540.000 đồng (Căn cứ Công văn số 1149/BDU3 ngày 16/10/2017 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Bình Dương về xác định tỷ giá USD ngày 31/5/2016) và tiền mặt: 1.951.000.000 đồng (một tỷ chín trăm năm mươi mốt triệu đồng), tổng giá trị tài sản xâm hại là: 2.391.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm chín mươi mốt triệu đồng).

Tuy nhiên, quá trình điều tra đến nay, căn cứ vào lời khai nhận tội Trần Văn T, Nguyễn Hoàng E, Thái Huỳnh B thì tổng số tiền chiếm đoạt chỉ có căn cứ xác định là 820.000.000 đồng (B, E mỗi người được chia 260.000.000 đồng, T giữ lại 300.000.000 đồng); các tài liệu do Công ty IN cung cấp chỉ mang tính chất liệt kê số tài sản có trong két sắt của công ty tại thời điểm mất trộm, không đủ căn cứ chứng minh số tài sản mất trộm là 2.391.000.000 đồng nên không đủ cơ sở để xem xét.

Cáo trạng số 26/CT-VKS-P1 ngày 05/9/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định: Truy tố bị cáo Trần Văn T ra trước Tòa án nhân

dân tỉnh Bình Dương để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội với nội dung vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh như cáo trạng đã truy tố. Tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi lén lút đột nhập vào Công ty IN, cạy phá két sắt chiếm đoạt tiền là đặc biệt nghiêm trọng. Về vai trò của bị cáo trong vụ án, bị cáo T là người chủ mưu, chỉ đạo B và E thực hiện hành vi phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn nên cần phải áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không. Bị cáo phạm tội nhưng có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo T với mức hình phạt từ mười bốn đến mười lăm năm tù. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 14/2018/HS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù tại Bản án số 508/2019/HS-PT ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày: Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh, nhân thân của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Trình bày tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không có ý kiến gì khác, bị cáo rất hối hận về hành vi của bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội sớm được đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra

và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Qua thủ tục tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bào chữa của Luật sư chỉ định của bị cáo, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 02 giờ sáng ngày 31/5/2016, bị cáo Trần Văn T chở Nguyễn Hoàng E, Thái Huỳnh B đi ngang qua cổng Công ty IN nhìn thấy bảo vệ gác cổng trước của công ty đang ngủ nên T dừng xe kêu B ở ngoài cảnh giới để T, E leo hàng rào đi vào bên trong công ty, cạy cửa vào bên trong phòng làm việc đục két sắt của công ty chiếm đoạt số tiền 820.000.000 đồng (tám trăm hai mươi triệu đồng). E và B mỗi người được T chia cho 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng), T còn giữ lại 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) tiêu xài cá nhân hết. Thời điểm bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực thi hành, do đó, hành vi trên của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 cao hơn khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 về áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội, cần áp dụng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo T.

Tại thời điểm phạm tội, bị cáo T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Căn cứ vào tính chất hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty IN là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu đối với tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, cần có áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo đồng thời phát huy tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét vai trò của các bị cáo T trong vụ án thì đây là vụ án có đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn: Bị cáo T là người chủ mưu, chuẩn bị đầy đủ công cụ, phương tiện phạm tội đồng thời chỉ đạo cho B và E cùng giúp sức cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, khi quyết định hình phạt cho bị cáo T cũng cần cân nhắc cho phù hợp với vai trò đồng phạm của bị cáo với B và E.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về nhân thân: Ngày 06/9/2019, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 102/2019/HSST ngày 06/9/2019. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại Bản án số 508/2019/HS-PT ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã giữ nguyên Bản án số 102/2019/HSST ngày 06/9/2019 xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát đối với phần hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 14/2018/HS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 14 (mười bốn) năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 508/2019/HS-PT ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/11/2018.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- VKSNDCC tại TP.HCM 1
- Trại tạm giam Công an tỉnh BD; 1
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BD; 1
- CQCSĐT CA tỉnh BD; 1
- Cục THADS tỉnh Bình Dương; 1
- Bị cáo; NBC cho bị cáo; 2
- Bị hại; 1
- TAND quận Tân Phú, TP. HCM; 1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; 1
- Lưu: HS; Tổ HCTP. 3

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Văn Chum

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- Trại Tạm giam Công an tỉnh BD; 1
- Phòng PV 27 Công an tỉnh BD; 1
- CQCSĐT CA tỉnh BD; 1
- Cục THADS tỉnh BD; 1
- Bị cáo; 2
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; 3
- Nguyên đơn dân sự; 1
- Người làm chứng; 3
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; 1
- Tổ Hành chính – Tư pháp; 2
- Lưu hồ sơ vụ án. 1

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Huy Toàn